

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xây dựng số 9 - VC9

Ngày 31/03/2025	4,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	-6.4%	-2.2%

DT thuần Q1/25
48.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼26.8 -35.5%
YoY: ▼5.70 -10.5%

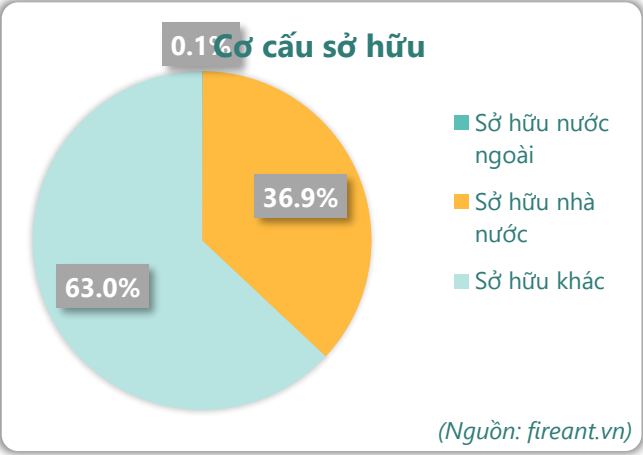
LN thuần Q1/25
0.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.43 387%
YoY: ▼0.02 -7.2%

LN sau thuế Q1/25
0.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.08 -34.7%
YoY: ▲ 0.02 19.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
5.3%
YoY: +/-▲ 2.5%

ROE (TTM) Q1/25
1.3%
YoY: +/-▲ 0.0%

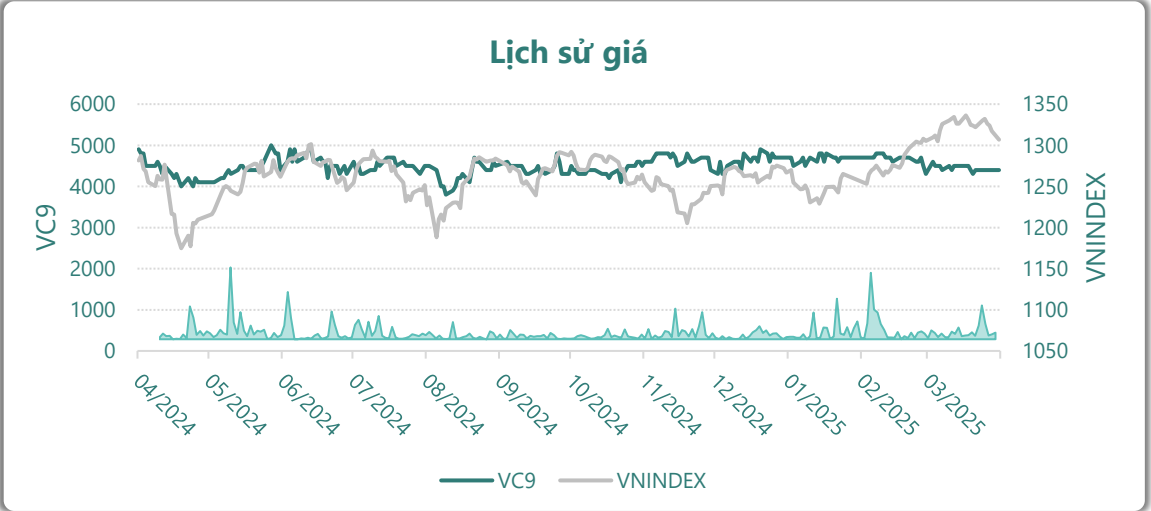
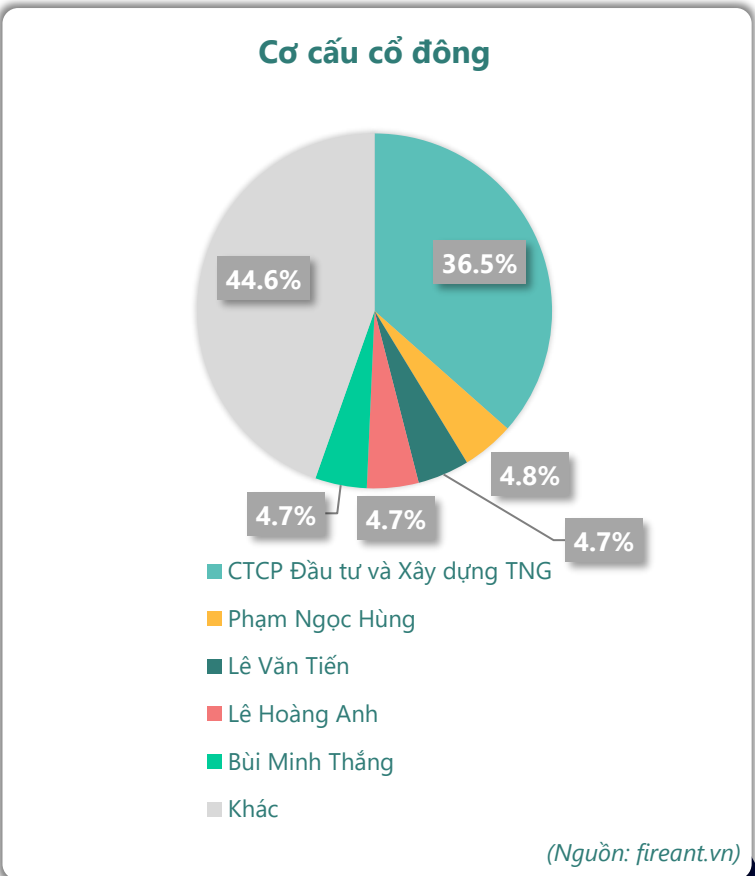
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 5,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	73
Số lượng CPLH (CP)	16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,655
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	49
P/E	90.7



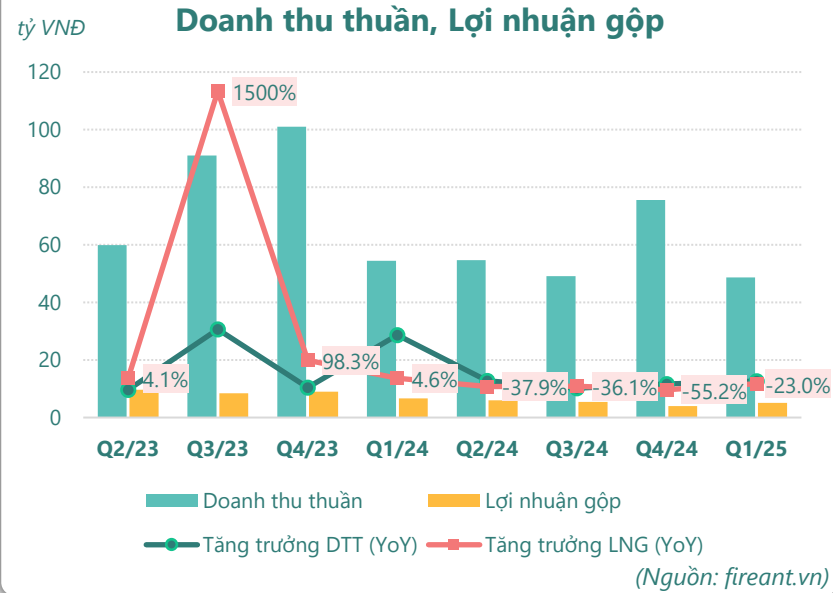
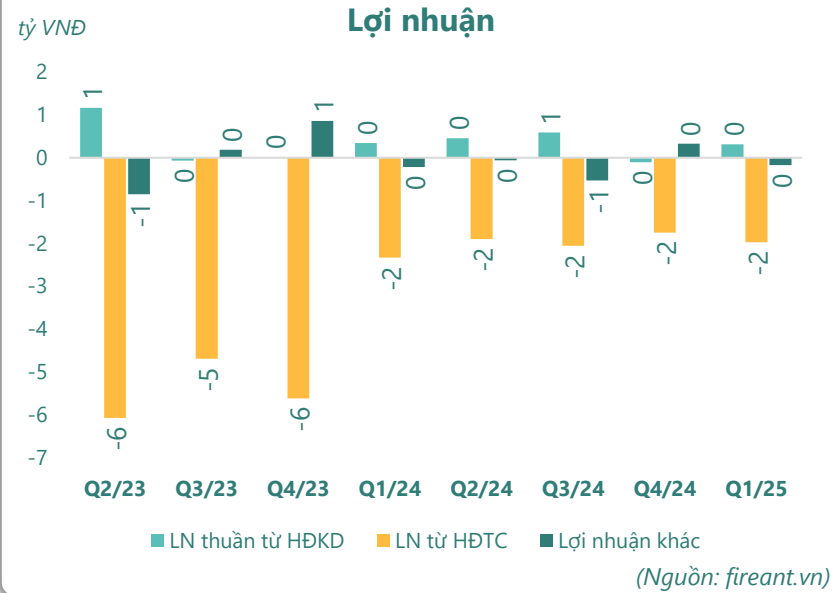
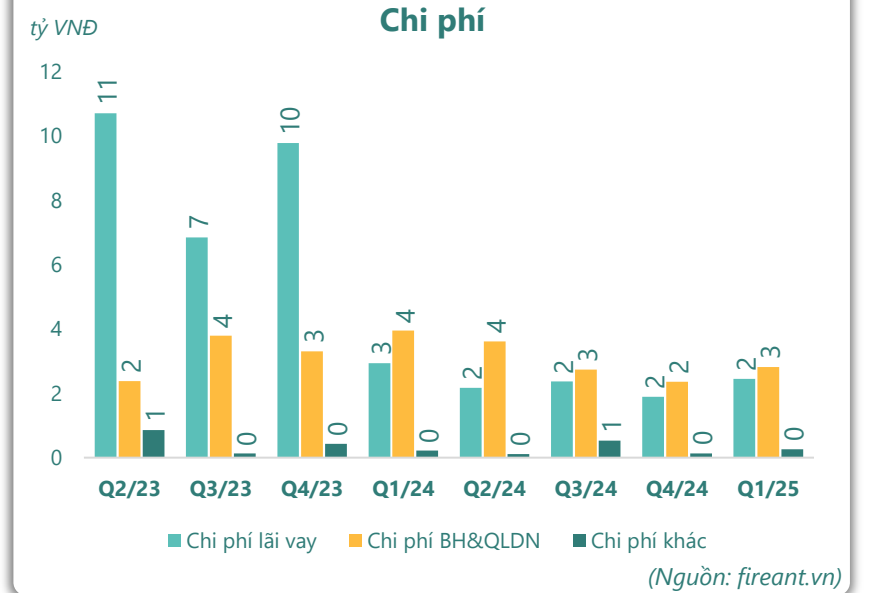
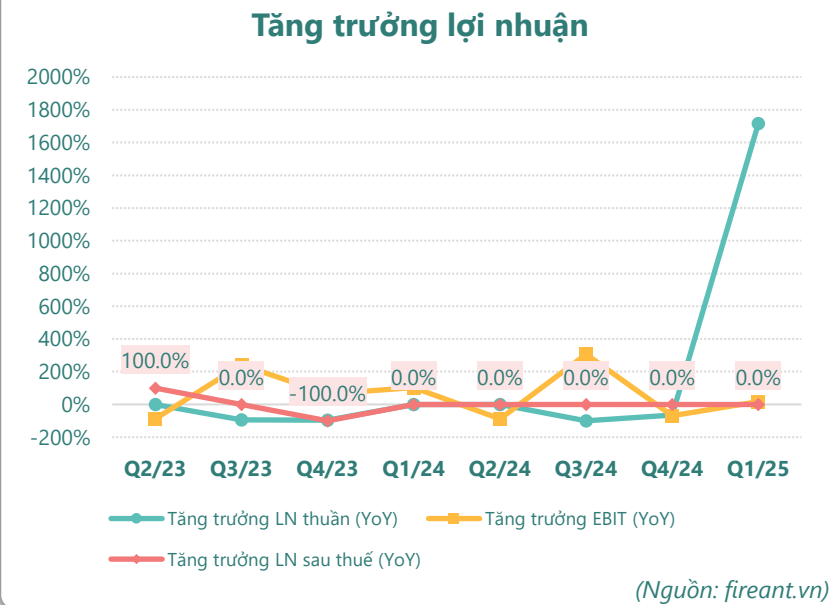
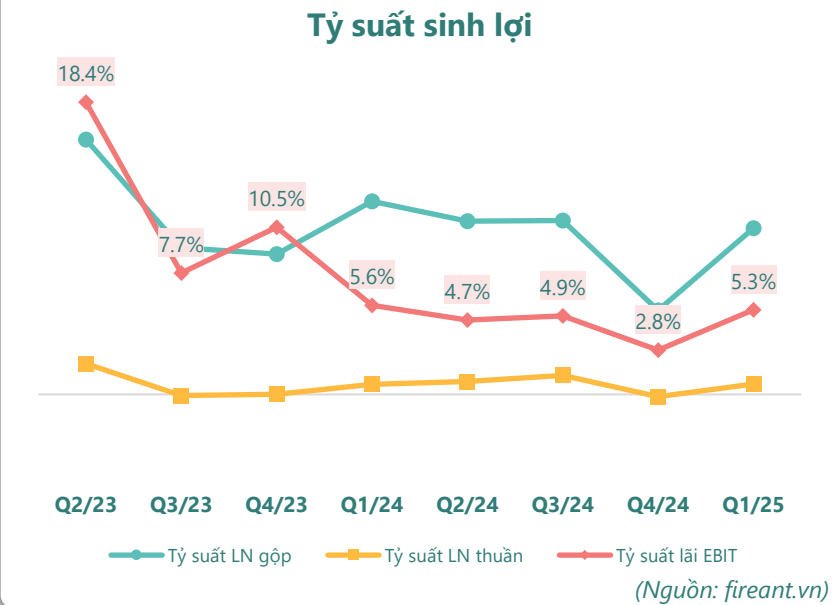
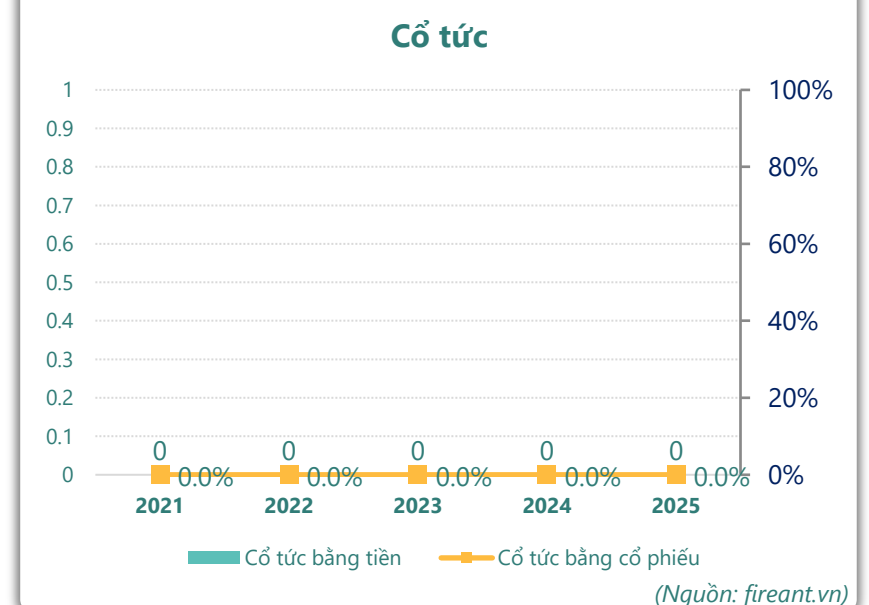
DT thuần 2024
234
tỷ VNĐ
YoY: ▼34.0 -12.9%

LN thuần 2024
1.27
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.05 -3.2%

LN sau thuế 2024
0.79
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.61 -43.5%

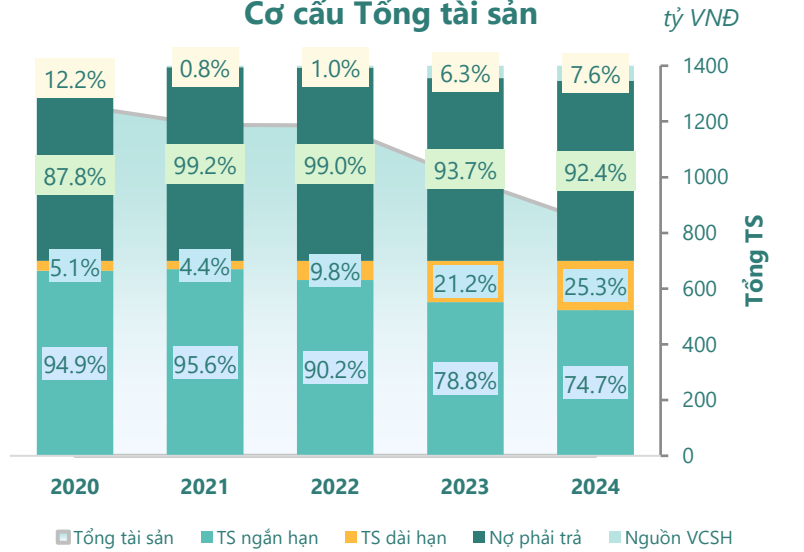


KẾT QUẢ KINH DOANH



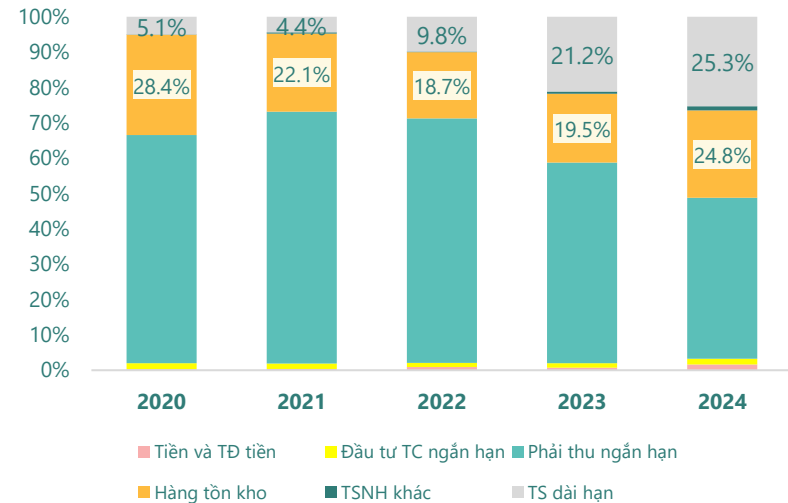
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



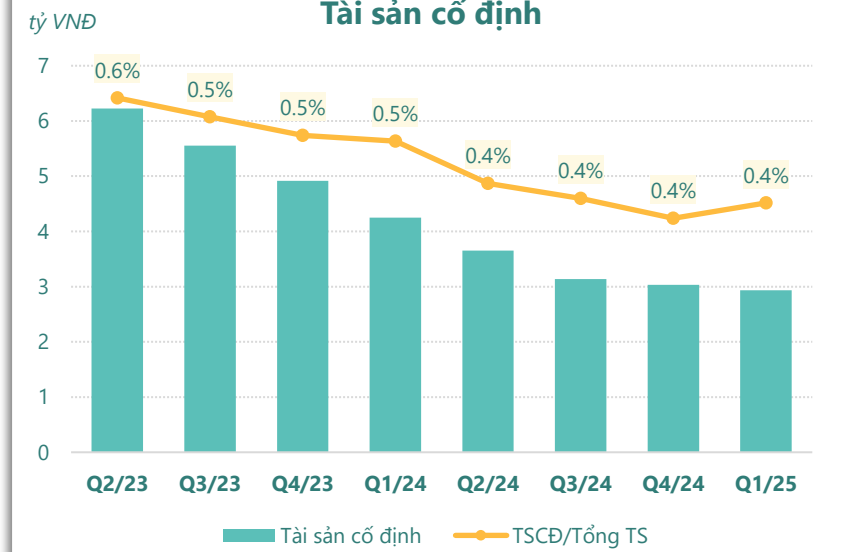
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



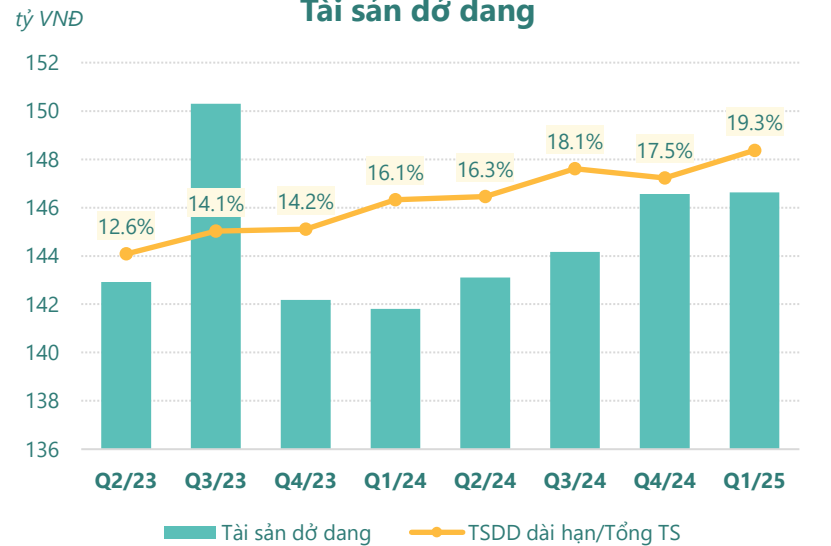
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



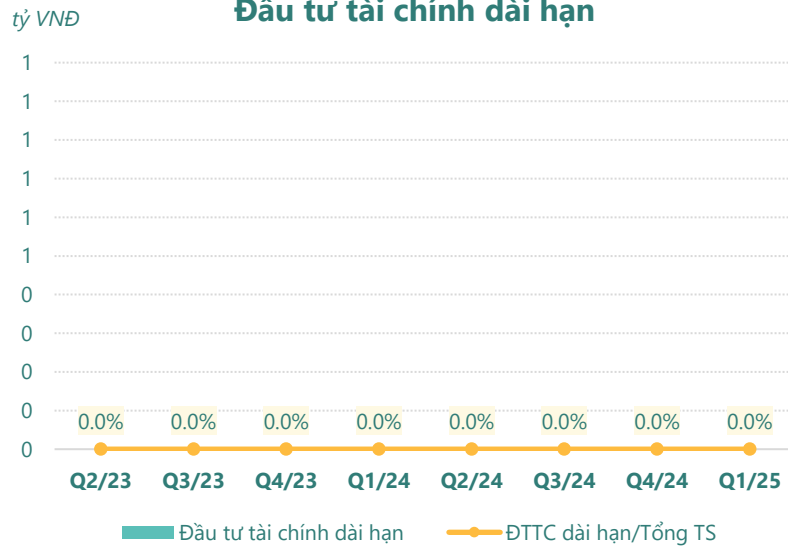
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



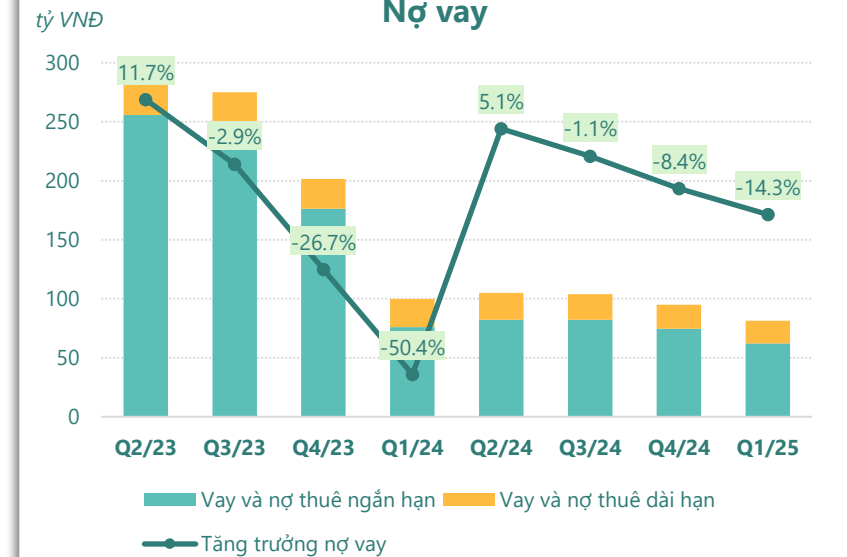
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



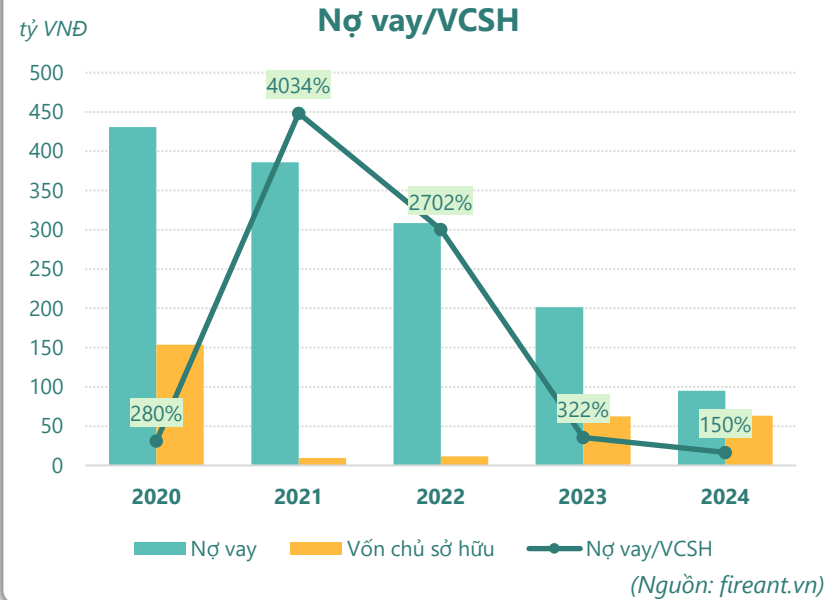
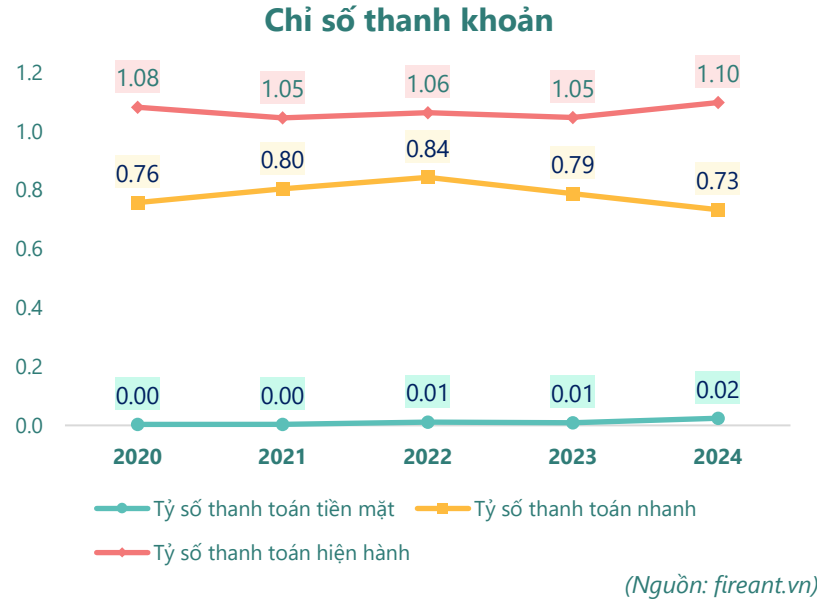
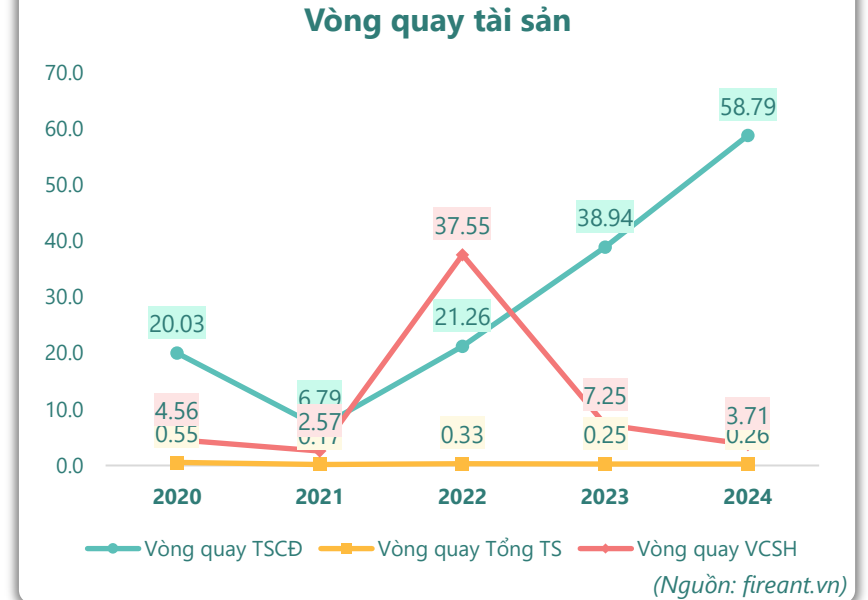
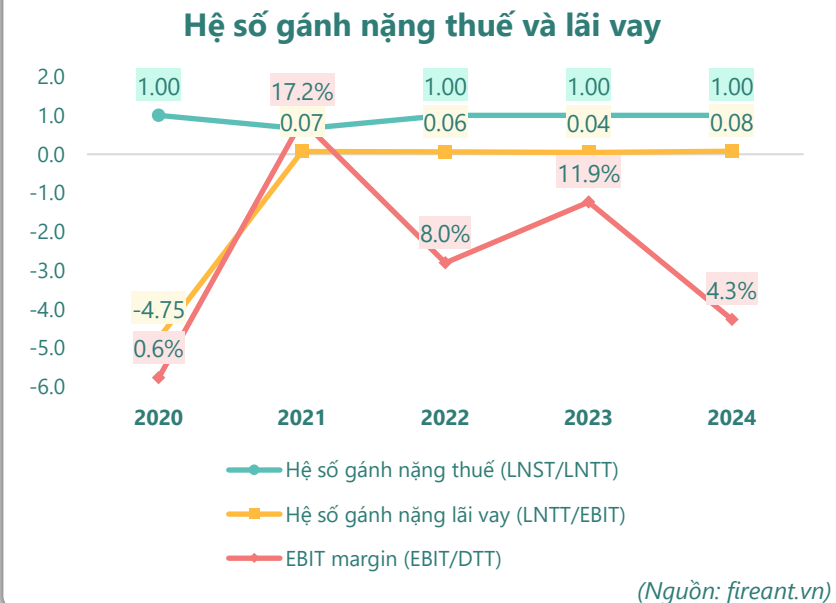
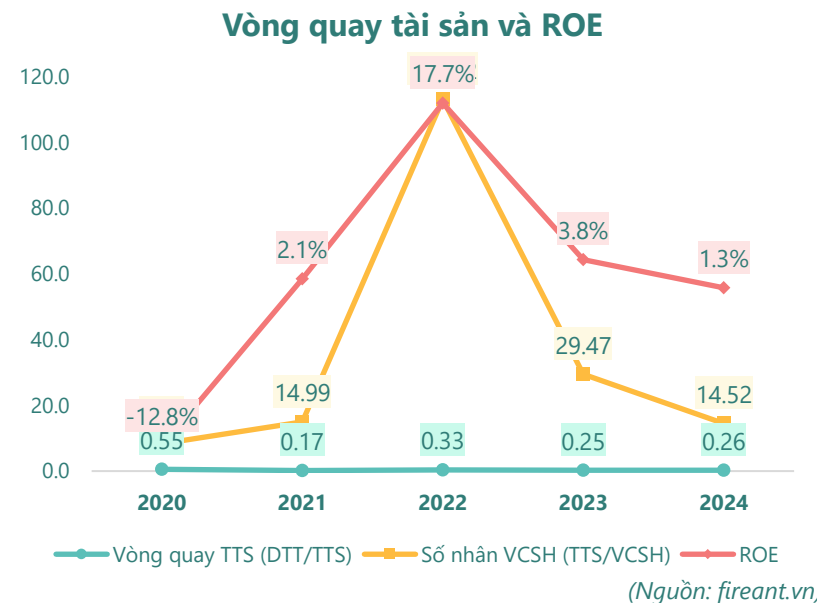
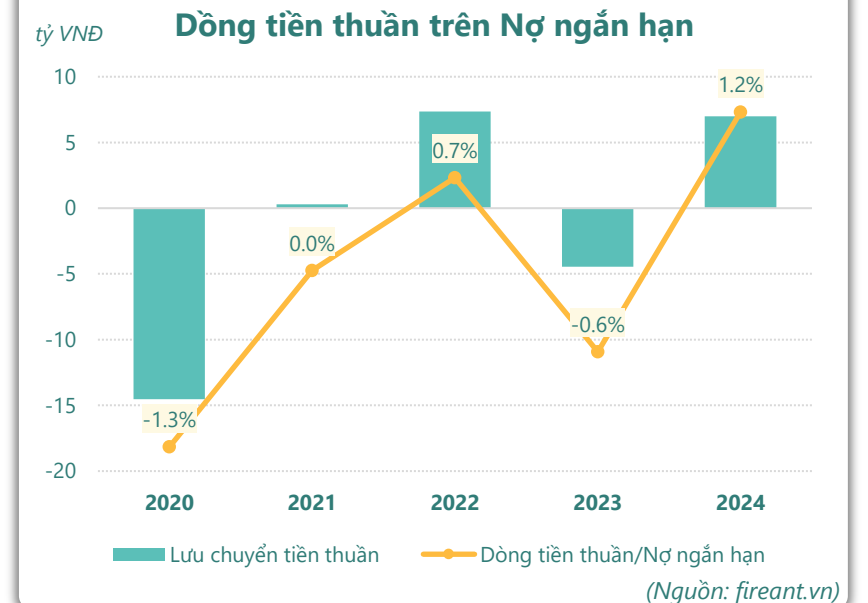
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	48.7	54.4	-10.5%	234	268	-12.9%
Giá vốn hàng bán	43.6	47.8	-8.9%	212	234	-9.4%
Lợi nhuận gộp	5.10	6.63	-23.0%	21.9	34.7	-36.9%
Doanh thu HĐTC	0.48	0.60	-20.0%	1.40	10.5	-86.7%
Chi phí TC	2.45	2.94	-16.6%	9.37	30.6	-69.4%
Chi phí lãi vay	2.45	2.94	-16.6%	9.37	30.6	-69.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.82	3.95	-28.7%	12.7	13.4	-5.1%
LN thuần từ HĐKD	0.32	0.34	-7.2%	1.27	1.32	-3.2%
Lợi nhuận khác	-0.17	-0.22	21.8%	-0.49	0.08	-711%
LN trước thuế	0.14	0.12	19.8%	0.79	1.40	-43.5%
Lợi nhuận sau thuế	0.14	0.12	19.8%	0.79	1.40	-43.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0.14	0.12	19.8%	0.79	1.40	-43.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-18.3	93.5	-11.9	-15.0	20.1	-2.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	97.1	6.64	4.31	15.5	0.48	7.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-73.4	-102	5.07	-1.19	-8.77	-13.6
Tiền đầu kỳ	1.32	6.76	5.21	2.67	1.97	13.7
Lưu chuyển tiền thuần	5.44	-1.55	-2.54	-0.70	11.8	-8.82
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.76	5.21	2.67	1.97	13.7	4.93

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	759	834	-9.1%
Tài sản ngắn hạn	548	623	-12.0%
Tiền và tương đương tiền	4.93	13.7	-64.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.30	13.3	-52.6%
Phải thu ngắn hạn	340	380	-10.3%
Hàng tồn kho	189	207	-8.5%
Tài sản ngắn hạn khác	7.33	9.78	-25.0%
Tài sản dài hạn	210	211	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.94	3.03	-3.3%
Bất động sản đầu tư	6.34	6.39	-0.8%
Tài sản dở dang	147	147	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	54.3	54.9	-1.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	695	771	-9.8%
Nợ ngắn hạn	523	568	-7.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.2	74.6	-16.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	195	214	-8.9%
Nợ dài hạn	172	203	-15.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.2	20.4	-5.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	63.6	63.4	0.2%
Vốn chủ sở hữu	63.6	63.4	0.2%
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

